

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH-VINA

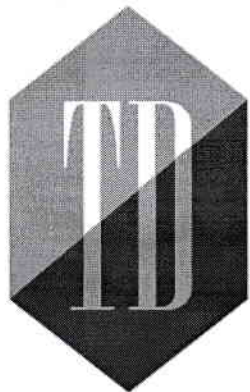
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



THÁNG 4 NĂM 2018
A. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

❖ Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty cổ phần Tech-Vina
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0104230142
Vốn điều lệ	60.500.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.500.000.000
Địa chỉ	Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai
Số điện thoại	0203864617
Số fax	0203864617
Website	www.techvina.vn
Mã cổ phiếu	CET
Logo	
Slogan	

❖ Quá trình hình thành và phát triển

Thời điểm/Giai đoạn	Sự kiện
28/10/2009	Thành lập Công ty Cổ phần Tech-Vina
01/08/2011	Nhà máy sản xuất tinh dầu đầu tiên đi vào hoạt động
01/01/2016	Xây dựng nhà máy tại Hà Nội
28/07/2017	Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán Hà Nội

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

❖ Ngành nghề kinh doanh



- Sản xuất chiết xuất các sản phẩm hương liệu tự nhiên.
- Sản xuất nước hương liệu chưng cất.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống.

❖ **Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính:**

Các hoạt động chính bao gồm sản xuất, kinh doanh tinh dầu quế cũng như sản xuất viên nén năng lượng từ bã quế của hệ thống chiết xuất tinh dầu quế và hoạt động thương mại các mặt hàng nông sản (sắn, cà phê, tinh bột sắn).

- **Hoạt động sản xuất, chế biến tinh dầu quế:** hoạt động sản xuất chế biến tinh dầu quế của Công ty được diễn ra tại nhà máy huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Cành quế, vỏ quế, lá quế được thu mua từ hơn 8.000 hộ nông dân trồng quế trong vùng nguyên liệu 5.000 ha liên kết với Công ty sau đó vận chuyển về nhà máy sơ chế và đưa vào dây chuyền sản xuất, chế biến tinh dầu. Mùa thu mua diễn ra tùy theo từng năm, thường kéo dài từ tháng 2 đến tháng 5 và tháng 8 đến tháng 12 hàng năm. Nhà máy chế biến tinh dầu quế được đầu tư xây dựng với quy mô lớn với dây chuyền máy móc hiện đại đảm bảo cung cấp ra cho thị trường sản phẩm tinh dầu quế với chất lượng cao.
- Hiện tại, Công ty Cổ phần Tech – Vina là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất tinh dầu của Việt Nam, là thành viên của Hiệp hội các nhà máy sản xuất tinh dầu và nước thơm thế giới IFEAT. Với việc tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, trao đổi kinh nghiệm kỹ thuật sản xuất với Hiệp hội IFEAT này, Công ty Cổ phần Tech – Vina đang từng bước nâng cao công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm cũng như cơ hội cung cấp cho các bạn hàng lớn trong ngành tinh dầu thế giới.
- **Hoạt động sản xuất viên nén năng lượng từ bã thải quế:** Hàng năm, Tech – Vina thu mua khoảng 8.000-12.000 tấn nguyên liệu cành, lá quế khô để chưng cất tinh dầu. Những năm trước đây, lượng bã thải khoảng trên 7.800 tấn sau chưng cất phải đốt bỏ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Nhận thức vấn đề môi trường cũng như quan điểm biến phế thải thành sản phẩm, Tech – Vina đã đầu tư hệ thống sản xuất viên nén năng lượng từ bã thải lá quế và bã vụn của các nhà máy bóc ván gỗ trên địa bàn. Công suất của hệ thống sản xuất này cho ra 800 tấn viên nén năng lượng/tháng (củi ép) để bán cho các nhà máy. Hàng năm, khoảng 7.800 tấn bã cành lá và 25.000 tấn bã ván ép được công ty thu mua để sản xuất viên gỗ nén này và làm nguyên liệu để đốt lò hơi quá trình sản xuất tinh dầu.
- **Hoạt động thương mại các mặt hàng nông sản:** Năm 2016, 2017 Công ty đã phát triển hoạt động thương mại một số mặt hàng nông sản khác như sắn, cà phê, tinh bột sắn. Với quan hệ và uy tín với các đối tác trong và ngoài nước, Công ty đang tận dụng các mối quan hệ này để phát triển thị trường nông sản, hỗ trợ bao tiêu đầu ra cho nông dân trong vùng nguyên liệu quế nhằm tăng cường mối quan hệ bền chặt hơn.

❖ **Địa bàn kinh doanh:**

Trong những năm đầu hoạt động cũng giống như các đơn vị sản xuất tinh dầu quế của Việt Nam, sản phẩm của công ty chủ yếu xuất sang thị trường Trung Quốc. Sau nhiều năm tiếp

1230
 NG
 Ở PH
 CH-
 THANG

cận thị trường, tham gia các hội chợ các sự kiện xúc tiến thương mại quốc tế, Công ty đã có thêm nhiều khách hàng lớn từ châu Âu và châu Mỹ như:

+ Công ty Berje Inc: là công ty lớn thứ 3 của Mỹ về các sản phẩm tinh dầu nước thơm. Năm 2015 Tổng Giám đốc của Berje đã có chuyến thăm nhà máy sản xuất tinh dầu quế của Công ty và xây dựng kế hoạch hợp tác.

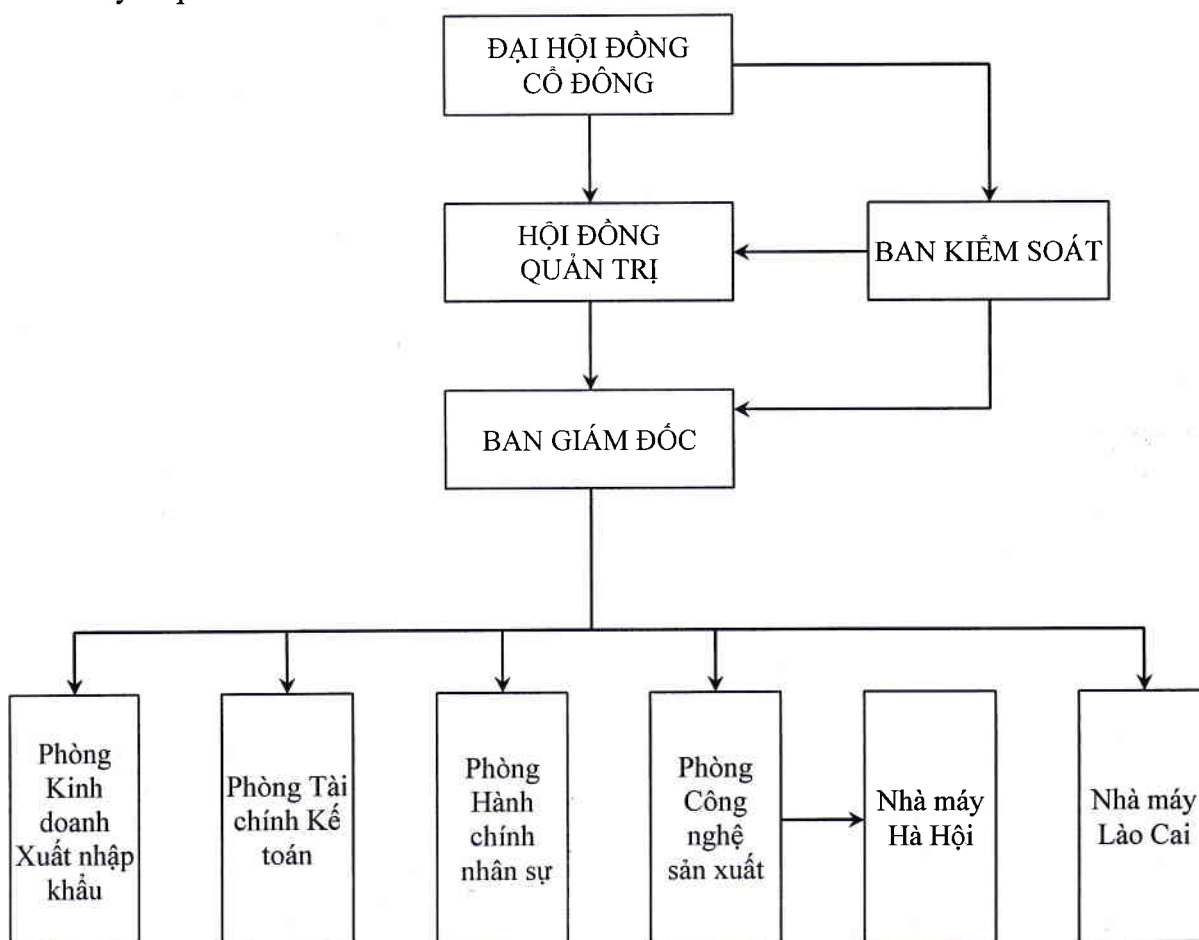
+ Công ty Oxegens – Anh Quốc: Chuyên thương mại các sản phẩm tinh dầu, chất thơm tự nhiên, các sản phẩm hóa chất phục vụ các ngành công nghiệp thực phẩm.

+ Công ty Phytosynse – Pháp: Là công ty đầu ngành về sản xuất thức ăn chăn nuôi tiêu chuẩn của Pháp, Công ty Albert Vielle đã tham quan nhà máy và đàm phán ký hợp đồng với Công ty để cung cấp sản phẩm tinh dầu quế.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Mô hình quản trị + Sơ đồ bộ máy quản lý

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Điều lệ tổ chức hoạt động được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 01 tháng 03 năm 2017, Công ty cổ phần Tech – Vina có cơ cấu tổ chức như sau:



142
TY
IÂN
VINA
3-T.17

❖ Công ty con, công ty liên kết: không có

4. Giới thiệu Ban lãnh đạo

❖ Giới thiệu HĐQT

ST T	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Hoàng Văn Hải	CT HĐQT kiêm Giám đốc	550.000	10%
2	Ông Nguyễn Quang Huy	TV HĐQT	-	-
3	Ông Bùi Trọng Nghĩa	TV HĐQT	10.000	0,17%
4	Ông Nguyễn Công Hoan	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc	535.000	8,84%
5	Bà Nguyễn Thị Thơm	TV HĐQT	400.000	6,61%

❖ Giới thiệu BKS

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dung	Trưởng BKS	5.000	0,08%
2	Ông Vũ Ngọc Ánh	TV BKS	10.000	0,17%
3	Bà Triệu Thị Mùi	TV BKS	5.000	0,08%

❖ Giới thiệu Ban điều hành

T T	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quá trình công tác
1	Ông Hoàng Văn Hải	Giám đốc	550.000	10%	Cử nhân QTKD đại học Kinh tế quốc dân Từ 2009-> Nay: Giám đốc Công ty cổ phần Tech-Vina

2	Ông Nguyễn Công Hoan	Phó Giám đốc	535.000	9,72 %	Cử nhân kinh tế 2007-2015: Quản lý hoạt động thương mại Công ty cổ phần Đồng Xanh 04/2016-> Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tech-Vina
3	Bà Trần Thị Hoài	Kế toán trưởng	10.000	0,17 %	Cử nhân Kế toán 2010-2012: Kế toán viên Công ty TNHH XNM TM & DVXL Thiên Hà 2013-2015: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Eunsung Tech Vina 2015-> Nay: Công ty cổ phần Tech-Vina

5. Định hướng phát triển

Trong thời gian tới, Công ty ngoài việc tập trung vào chế biến các sản phẩm tinh dầu quế chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của các khách hàng quốc tế, Công ty còn đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm thông qua việc mở rộng thị trường và đa dạng hóa các đối tượng khách hàng. Cùng với đó, Công ty còn đẩy mạnh hoạt động thương mại các sản phẩm nông nghiệp. Các sản phẩm nông nghiệp này chủ yếu được thu mua của các bà con nông dân trong vùng nguyên liệu quế của Công ty nâng cao sự gắn kết giữa nông dân trồng quế và doanh nghiệp. Cùng với đó giúp bà con nông dân trồng quế thoát nghèo, vươn lên làm giàu từ cây quế. Như vậy, định hướng phát triển của Công ty phù hợp với chính sách của nhà nước là hỗ trợ giúp bà con nông dân xóa đói, giảm nghèo vươn lên làm giàu, và phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển chung của ngành tinh dầu thơm.

6. Các rủi ro

❖ *Rủi ro về kinh tế:*

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại tinh dầu và kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản. Các sản phẩm của Công ty hiện đang cung cấp ra các thị trường quốc tế và trong nước, do vậy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ nền kinh tế. Các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... có thể tác động trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro tăng trưởng kinh tế: Sau gần 10 năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, kinh tế thế giới vẫn chưa lấy được đà tăng trưởng như trước đó. Sự phục hồi của các nền kinh tế phát triển không đủ bù đắp sự suy giảm của các nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt trong hoàn cảnh diễn ra bất ổn chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới.

Mặc dù chịu ảnh hưởng từ diễn biến xấu của nền kinh tế thế giới, song với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của Chính phủ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, xử lý nợ xấu và tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao. Tăng trưởng GDP năm 2017 đạt 6,81%, cao nhất trong 10 năm trở lại đây và vượt chỉ tiêu 6,7% Quốc hội đề ra hồi đầu năm. Tuy nhiên, thời gian tới, Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức do sự tăng trưởng chậm của những thị trường xuất khẩu chính, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp trong quá trình hội nhập ...

Những chuyển biến tích cực của nền kinh tế sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tech – Vina.

- **Rủi ro lạm phát:** Lạm phát ở Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến phức tạp và biến động với biên độ khá lớn khiến cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào cũng biến động bất thường, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước 2012, Chính phủ đã có những chính sách điều hành để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012; 6,04% năm 2013; 4,09% năm 2014. Đặc biệt tỷ lệ lạm phát cả năm 2015 ở mức 0,6%, thấp kỷ lục trong 15 năm trở lại đây. Năm 2017, Chính phủ đã hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4%.
- **Rủi ro tỷ giá:** Là một doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất khẩu nên rủi ro về tỷ giá có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Để hạn chế tác động của rủi ro biến động tỷ giá, Công ty hướng đến chiến lược đa dạng hóa thị trường tiêu thụ. Đồng thời, Công ty cần kịp thời nắm bắt, phân tích nguyên nhân biến động tỷ giá, làm tốt công tác dự báo tỷ giá, trên cơ sở đó lựa chọn các giải pháp quản lý rủi ro tỷ giá phù hợp, hạn chế đến mức thấp nhất tác động từ biến động tỷ giá, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng ổn định, bền vững.

❖ **Rủi ro pháp luật:**

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty. Là công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần Tech – Vina chịu sự chi phối của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thương mại... và các chính sách của Nhà nước có liên quan. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam chưa hoàn thiện, còn nhiều quy định chồng chéo, những thay đổi trong hệ thống luật có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động.

Do có hoạt động xuất khẩu sản phẩm tinh dầu nên ngoài sự chi phối của hệ thống pháp luật trong nước, Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số sắc thuế nhập khẩu, tập quán thương mại quốc tế, luật chống phá giá, và một số quy định khác tại các nước nhập khẩu... Để hạn chế rủi ro về luật pháp, Công ty thường xuyên cập nhật hệ thống văn bản pháp luật, tiến hành nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty cũng như tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông Công ty.

❖ **Rủi ro đặc thù ngành:**

Rủi ro đặc thù ngành là những rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại



ting dầu và kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, vì vậy vùng nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, cạnh tranh là những rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể: những rủi ro về dịch hại, bệnh tua mục, thị trường các sản phẩm hương liệu thay thế cũng làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

❖ **Rủi ro khác:**

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra những sẽ tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai, bão lụt, chiến tranh...

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ **Thông tin ngành**

Những năm gần đây, ngành công nghiệp sản xuất tinh dầu đã du nhập vào nước ta và nhanh chóng chiếm một phần lớn trong tỉ trọng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã xuất khẩu tinh dầu thành công sang khoảng 30 nước trong tổng số 167 nước có nhu cầu nhập khẩu tinh dầu, chiếm 1,16% về số lượng và 0,6% về giá trị thị phần tinh dầu toàn cầu. Điều này cho thấy ngành sản xuất tinh dầu tại nước ta đã và đang có những chuyển biến rất tích cực và là một ngành công nghiệp vô cùng tiềm năng.

Hiện nay, với việc người tiêu dùng đang có xu hướng sử dụng những hợp chất từ thiên nhiên, dẫn đến nhu cầu sử dụng tinh dầu của thế giới ngày càng tăng cao, đặc biệt là loại tinh dầu dùng trong hương trị liệu và công nghiệp mỹ phẩm. Trong đó, Trung Quốc và Ấn Độ được biết đến như 2 quốc gia có thị trường tiêu dùng và xuất khẩu tinh dầu nhiều nhất thế giới. Tuy nhiên, do không có nhiều điều kiện phát triển cho các loại cây dùng để chiết xuất tinh dầu nên hầu hết nguồn nguyên liệu của 2 quốc gia này đều phải nhập khẩu từ nước ngoài.

Trong khi đó, với điều kiện khí hậu và đất đai vô cùng thuận lợi để trồng các loại cây chiết xuất tinh dầu, đặc biệt là các loại cây như hương nhu, bạc hà, sả, bạch đàn, húng quế, hoắc hương, sồi... Việt Nam được coi là mỏ vàng "xanh" của ngành công nghiệp sản xuất và chiết xuất tinh dầu – Điều mà không phải quốc gia nào cũng có được. Theo thống kê của Hiệp hội tinh dầu Việt Nam (VOCA) thì hiện nay nước ta đang có khoảng 300 loại cây có thể dùng để chiết xuất tinh dầu và trong đó có 50 loại được sử dụng nhiều nhất. Đặc biệt, những loại cây này lại rất dễ trồng và không mất quá nhiều thời gian để chăm sóc cũng như ít sâu bệnh hơn các loại cây khác, chưa kể giá trị kinh tế mà chúng mang lại vô cùng tiềm năng. Chính vì vậy mà ngành công nghiệp sản xuất và chiết xuất tinh dầu ở nước ta đang dần trở nên được quan tâm và chú trọng đầu tư từ phía các doanh nghiệp và Chính phủ.

4230
HANG
CH-1
ONG
O PH

❖ **Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch**

➤ Hướng dẫn:

Kết thúc năm 2017, Doanh thu đạt 54.780.147.218 đồng tương ứng 91.3 % so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 2.445.079.444 tương ứng 29.46 % so với kế hoạch đề ra.

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2017	TH năm 2017	TH 2017/KH 2017 (%)
Doanh thu	đồng	60.000.000.000	54.780.147.218	91.30
Lợi nhuận sau thuế	đồng	8.300.000.000	2.445.079.444	29.46

❖ **Kết quả kinh doanh qua các năm**

➤ Hướng dẫn: Nêu các chỉ tiêu có sự thay đổi lớn.

Bảng chỉ tiêu kết quả kinh doanh giai đoạn 2014 – 2017

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2017/2016 (%)
Doanh thu thuần	11.183.001.85	52.316.898.33	48.907.939.02	54.780.147.21	11.2%
Giá vốn hàng bán	8.028.665.41	47.032.590.99	39.792.694.49	48.743.955.83	12.2%
LN trước thuế	435.115.307	3.135.070.66	6.494.135.45	2.445.079.44	3.7%
Lợi nhuận sau thuế	435.115.307	2.947.520.16	6.203.726.31	2.445.079.44	3.9%

❖ **Nguyên nhân:**

❖ **Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận**

- Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận theo sản phẩm (ĐVT: triệu đồng)

ST T	Chỉ tiêu	2016				2017		2017/2016
		DTT	Tỷ lệ (%)	LNG	Tỷ lệ (%)	DTT	LNG	DTT
1	Tinh dầu	27.980	57,209	5.086	55,792	29.832	3.465	57.812

142-
TY
ÂN
VINA
T.I.P.

2	Viên nén năng lượng	3.672	7,508	1.551	17,014	1.205	636	4.877
3	Nông sản (Sắn, Café)	11.583	23,683	457	5,013	-	-	
4	Khác (Găng tay, túi hút âm, tem chỉ thị độ ẩm...)	5.673	11,6	2.022	22,181	23.703	1.935	29.376
	Tổng	48.908	100	9.116	100	54.740	6.036	103.648

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban điều hành

- Giới thiệu Ban điều hành: Phần 1

b. Lao động

❖ Cơ cấu nhân sự

PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
1. Phân theo trình độ chuyên môn		
- Đại học, trên đại học	8	21.05
- Cao đẳng, Trung cấp	0	0
- Trình độ khác	30	78.94
2. Phân theo thời hạn hợp đồng lao động		
- HĐLĐ không thời hạn	1	21.05
- HĐLĐ có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	8	0
- HĐLĐ theo thời vụ	30	78.94
3. Phân theo hình thức lao động		
- Lao động gián tiếp	10	26.31
- Lao động trực tiếp	28	73.68

❖ Chính sách đối với người lao động

- Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 01h00 phút. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể điều động cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ phụ cấp làm thêm giờ theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.



Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

- **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Đào tạo: Công ty hết sức chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại Công ty và cử cán bộ, công nhân kỹ thuật tham dự các khóa đào tạo chuyên đề để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về lĩnh vực của mình nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc. Hiện nay Công ty đang chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có tay nghề giỏi,... để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Chính sách lương, thưởng**

Chính sách lương: Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng...căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo Quy chế của Công ty. Hàng năm công ty tiến hành điều chỉnh lương cho toàn bộ cán bộ công nhân viên ít nhất một lần nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của cán bộ công nhân viên ngày càng cải thiện, tạo sự gắn kết lâu dài của CBCNV với Công ty và thu hút các lao động có trình độ cao.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty. Định kỳ hàng tháng, hàng năm căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí Công ty sẽ có mức khen thưởng hợp lý.

- **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**



Công ty thực hiện các chế độ đảm bảo xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Cùng với đó để tạo sự thư giãn sau những ngày làm việc vất vả, tạo sự gắn kết giữa các bộ phận trong Công ty, hàng năm vào các dịp lễ tết Công ty luôn tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao giữa các bộ phận. Đồng thời Công ty thường xuyên tổ chức cho CBCNV và người thân trong gia đình đi tham quan, nghỉ mát...

3. Tình hình tài chính

❖ Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	75.835.802.303	85.179.553.046	Tăng 12.32%
Doanh thu thuần	48.907.939.021	54.780.147.218	Tăng 12.01%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.623.088.208	2.373.488.080	Giảm 64.16%
Lợi nhuận khác	-128.952.762	71.591.364	Tăng 155.52%
Lợi nhuận trước thuế	6.494.135.446	2.445.079.444	Giảm 62.35 %
Lợi nhuận sau thuế	6.203.726.311	2.445.079.444	Giảm 60.59%

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	Tăng/giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	3.81	3.26	-0.55
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	1.22	1.41	0.19
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	0.16	0.23	0.07
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	0.19	0.29	0.10
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	1.31	1.36	0.05
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0.64	0.64	0

010
CÔ
C
TE
BAO

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0.13	0.04	-0.09
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	0.10	0.04	-0.06
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	0.08	0.03	-0.05

4. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

❖ Cổ phần

Tính đến hết ngày 21/12/2017, Công ty Cổ phần Tech – Vina đã phát hành 6.050.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phần phổ thông: 6.050.000 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu.
- Số cổ phần đang lưu hành: 6.050.000 cổ phiếu.
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

❖ Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm 30/11/2017)

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông trong nước	343	5.500.000	55.000.000.000	100
1.1	Cổ đông tổ chức	2	5000	50.000.000	0.09
1.2	Cổ đông cá nhân	341	5.495.000	54.950.000.000	99.91
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
2.1	Cổ đông tổ chức	0	0		
2.2	Cổ đông cá nhân	0	0		
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
Tổng cộng					

❖ Danh sách cổ đông lớn (Thời điểm 30/11/2017)

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Dương Văn Nam	012128485	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	659.700	12%
Hoàng Văn Hải	024084000088	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	550.000	10%

1230
NG
Ổ PH
CH-
HANK

❖ **Lịch sử tăng vốn**

Quá trình tăng vốn điều lệ:

- Tháng 10/2009, vốn điều lệ khi thành lập là 3 tỷ đồng.
- Đến tháng 07/2013, vốn điều lệ sau khi phát hành riêng lẻ là 10 tỷ đồng.
- Đến tháng 12/2015, vốn điều lệ sau khi phát hành riêng lẻ là 55 tỷ đồng

5. Thông tin liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng, xã hội

- Đối với cán bộ nhân dân khu vực xã Xuân Quang, Bảo Thắng, Lào Cai, Công ty tổ chức các khóa đào tạo nghề, thu hút lao động tại địa phương vào làm việc tại Công ty nhằm tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định hơn.

- Vào các dịp Tết Nguyên Đán, Công ty phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức trao quà mừng Tết cho các hộ nghèo người dân tộc trên địa bàn.

C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ **Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	KH 2017	Thực hiện		Tăng trưởng %	
		2017	2016	So với KH	So với 2016
Tổng doanh thu	60.000.000.000	54.780.147.218	48.907.939.021	- 8.7%	12.01%
Lợi nhuận sau thuế	8.300.000.000	2.445.079.444	6.203.726.311	-70.54%	60.58%

2. Tình hình tài chính

❖ **Tình hình tài sản**

Đơn vị: đồng

1142
TY
HÀN
VIN
3-T.1

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016	Chênh lệch	
			Số tiền	%
A. Tài sản ngắn hạn				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	228.683.240	2.718.637.101	2.489.953.861	92%
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	26.546.214.938	11.019.227.945	15.526.986.993	141 %
III. Hàng tồn kho	35.740.960.817	30.388.506.968	5.352.453.849	18%
IV. Tài sản ngắn hạn khác	290.321.539	523.966.804	233.645.265	45%
B. Tài sản dài hạn				
I. Các khoản phải thu dài hạn		7.000.000.000	7.000.000.000	
II. Tài sản cố định	16.856.863.633	17.910.233.971	1.053.370.338	6%
III. Tài sản dài hạn khác	5.516.508.879	6.275.229.514	758,720,635	12%
Tổng cộng tài sản	85.179.553.046	75.835.802.303	9,343,750,743	12%

❖ *Tình hình nợ phải trả*

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Số tiền	%
I. Nợ ngắn hạn				
1. Phải trả cho người bán	6.344.034.699	1.206.432.391	5.137.602.308	426%

2. Người mua trả tiền trước	6.276.543.600		6.276.543.600	
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	41.030.152	451.728.343	410.698.191	91%
4. Phải trả người lao động		63.112.827	63.112.827	
5. Chi phí phải trả	79.885.228	140.479.466	60.594.238	43%
6. Phải trả ngắn hạn khác	103.588.716	2.086.610.571	1.983.021.855	95%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.962.041.170	7.625.988.668	1.663.947.498	22%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	446.367.501	136.181.186	310.186.315	228%
II. Nợ dài hạn		334,100,000	334,100,000	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Theo sự phát triển và gia tăng của cán bộ công nhân viên và chuyên môn hóa công việc, Công ty tiến hành phân tách phòng ban và tổ chức lại bộ máy tổ chức đảm bảo sự hợp lý, khoa học, không chồng chéo chức năng giữa các phòng ban.
- Hàng tuần, Công ty thực hiện chế độ họp giao ban để kịp thời giải đáp các vướng mắc và có chỉ đạo kịp thời đối với các sự vụ phát sinh.

4. Phương hướng phát triển

- Công ty chủ trương đầu tư đổi mới trang thiết bị, máy móc, cơ sở vật chất đảm bảo sản xuất.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển, nâng cao công nghệ sản xuất nhằm hoàn thiện dây chuyền sản xuất sản phẩm mới là benzaldehyde và các hợp chất đơn hương tự nhiên.

D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty

❖ *Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành*

Năm 2017 khép lại với những con số thống kê chính thức: so với năm 2016, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tăng 6,81% vượt mục tiêu 6,7% và cao nhất kể từ năm 2010 trở lại đây; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện ước đạt 17,5 tỷ đô la



Mỹ, tăng 10,8% gấp hơn hai lần so với mặt bằng chung toàn cầu; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa khoảng 213,8 tỷ đô la Mỹ, tăng tới 21,1% là mức cực kỳ ấn tượng so với tốc độ tăng trưởng xấp xỉ 4% của thương mại toàn cầu. Có thể thấy ngay rằng nguồn gốc của những “thành tích” này chủ yếu là nhờ vào khu vực kinh tế tư nhân – bao gồm cả tư nhân trong nước và nước ngoài.

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	KH 2017	Thực hiện		Tăng trưởng %	
		2017	2016	So với KH	So với 2016
Tổng doanh thu	60.000.000.000	54.780.147.218	48.907.939.021	- 8.7%	12.01%
Lợi nhuận sau thuế	8.300.000.000	2.445.079.444	6.203.726.311	-70.54%	60.58%
Tỷ lệ trả cổ tức	1.68%		Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỉ lệ 1:10		8.32%

❖ **Đánh giá các mặt hoạt động khác của công ty**

- Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo nội bộ nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và chuyên môn công việc cho Cán bộ công nhân viên
- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, có các phương án tạo động lực và cơ chế đánh giá kết quả thực hiện công việc nhằm nâng cao hiệu quả làm việc.
- Công ty có sự đầu tư đáng kể vào hoạt động nghiên cứu phát triển, nâng cao năng lực, công nghệ sản xuất theo nhu cầu mới của thị trường về các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên.
- Công ty cử đại diện tích cực giao lưu, học hỏi và tìm kiếm khách hàng tiềm năng thông qua các hiệp hội về tinh dầu, chất thơm quốc tế.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD

- Đảm bảo công tác điều hành công ty theo định hướng của Đại hội đồng cổ động và Hội đồng quản trị.
- Tuân thủ đúng điều lệ Công ty, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Có sự linh hoạt trong điều chỉnh chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với xu thế biến động thị trường, mạnh dạn trong chỉ đạo và sử dụng nhân sự đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

010
 CÔNG
 CỔ
 TẾ
 407

❖ **Định hướng**

- Nâng cao thị phần bằng việc đầu tư, phát triển sản phẩm mới, cải tiến cơ sở vật chất, máy móc trang thiết bị.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, đánh giá đúng nhu cầu của bộ phận lớn khách hàng tiềm năng có nhu cầu đối với sản phẩm Công ty

- Tích cực tham gia các chương trình hội chợ quốc tế thường niên, quảng bá sản phẩm Công ty với bạn hàng nước ngoài đặc biệt là khu vực châu Âu, Mỹ.

❖ **Chỉ tiêu kế hoạch năm sau**

Đơn vị: đồng

	TH 2017	KH 2018	Tăng trưởng %
Doanh thu thuần	54.780.147.218	80.000.000.000	Tăng 46.04%
Lợi nhuận sau thuế	2.445.079.444	2,400,000,000	Giảm 1.84%

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

❖ **Thành viên HĐQT (Tại thời điểm 30/11/2017)**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Hoàng Văn Hải	CT HĐQT kiêm Giám đốc	550.000	10%
2	Ông Nguyễn Quang Huy	TV HĐQT	-	-
3	Ông Bùi Trọng Nghĩa	TV HĐQT	10.000	0,18%
4	Ông Nguyễn Công Hoan	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc	535.000	9.72%
5	Bà Nguyễn Thị Thơm	TV HĐQT	400.000	7.27%

❖ **Đánh giá hoạt động của HĐQT**

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành 03 buổi họp chung nhằm chỉ đạo, định hướng hoạt động của Công ty, nhận xét và đánh giá tình hình sản xuất của Công ty trong năm 2017.

23
NG
PI
CH
YAN

- Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và yêu cầu Ban Giám đốc định kỳ, đột xuất báo cáo kết quả thực hiện và những vướng mắc trong từng kỳ sản xuất. Từ đó, đánh giá tình hình và đưa ra những giải pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Duy trì hình thức họp giao ban toàn Công ty với thành phần bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng các phòng ban nhằm đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng bộ phận so với kế hoạch và đề ra và đưa ra mục tiêu kỳ tới cho từng bộ phận.
- Hội đồng quản trị thường xuyên nhắc nhở và đôn đốc Ban Giám đốc cũng như người phụ trách công bố thông tin thực hiện báo cáo và công bố thông tin đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Hoàng Văn Hải	CT HĐQT (kiêm Giám đốc)	3/3	100%	
2	Ông Nguyễn Quang Huy	TV HĐQT	1/3	33.3%	Không có lý do
3	Ông Nguyễn Công Hoan	TV HĐQT	1/3	33.3%	Không có lý do
4	Bà Nguyễn Thị Thơm	TV HĐQT	1/3	33.3%	Sống tại nước ngoài
5	Ông Bùi Trọng Nghĩa	TV HĐQT	3/3	100%	

❖ Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT/HTKD	06/04/2017	Về việc thu hồi vốn hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH TD Việt Nam

2. Ban kiểm soát

❖ Thành viên BKS

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dung	Trưởng BKS	5.000	0,09%
2	Ông Vũ Ngọc Ánh	TV BKS	10.000	0,18%

3	Bà Triệu Thị Mùi	TV BKS	5.000	0,09%
---	------------------	--------	-------	-------

❖ **Đánh giá hoạt động của BKS**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dung	Trưởng BKS	1/1	100%	
2	Ông Vũ Ngọc Ánh	TV BKS	1/1	100%	
3	Bà Triệu Thị Mùi	TV BKS	1/1	100%	

- Thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện công tác giám sát, tăng cường và đổi mới phương pháp kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty.
- Nghiêm túc kiểm tra giám sát công tác quản lý điều hành Công ty thông qua giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.
- Thẩm định các báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, phối hợp đơn vị kiểm toán thẩm định kết quả báo cáo đảm bảo tính chính xác của báo cáo công bố.

3. Giao dịch và thu lao của HĐQT, BKS và BGD

❖ **Thu lao của HĐQT, BKS và BGD (ĐVT: đồng)**

	Họ và tên	Chức danh	Thu lao
Hội đồng quản trị	HOÀNG VĂN HẢI	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	0
	NGUYỄN QUANG HUY	Thành viên HĐQT	0
	NGUYỄN CÔNG HOAN	Thành viên HĐQT	0
	NGUYỄN THỊ THƠM	Thành viên HĐQT	0
	BÙI TRỌNG NGHĨA	Thành viên HĐQT	0
	Tổng		0
Ban kiểm soát	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	Trưởng ban Kiểm soát	0
	VŨ NGỌC ÁNH	Thành viên Ban kiểm soát	0

3-C.1
Y
VA
LAOC

Ban Giám đốc	TRIỆU THỊ MÙI	Thành viên Ban kiểm soát	0
	Tổng		0
	HOÀNG VĂN HẢI	Giám đốc Công ty	16.000.000

❖ **Giao dịch cổ phiếu của NNB và NLQ đến NNB**

Tên người nội bộ/người liên quan	Chức vụ		Hình thức	Số lượng	Ngày	Số CP trước GD	Số CP sau GD	Tỷ lệ sau GD
	Quan hệ	Chức vụ						
Nguyễn Thị Duyên	Vợ ông Hoàng Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	Bán	72.250	25/01/2018	72.250	0	0%

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính năm 2017 được công bố tại link: <http://techvina.vn/vi/thong-tin-co-dong/> và gửi đính kèm văn bản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH-VINA



GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Hải

C.P
1/1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tech - Vina (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tech - Vina (tên cũ: Công ty Cổ phần Chuyển giao công nghệ Tech-Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp ngày 08 tháng 03 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Gốc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên
Ông Bùi Trọng Nghĩa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên
Ông Nguyễn Công Hoan	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hải	Giám đốc
Ông Nguyễn Công Hoan	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thùy Dung	Trưởng ban
Ông Vũ Ngọc Ánh	Thành viên
Bà Triệu Thị Mùi	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Văn Hải

Giám đốc

Lào Cai, ngày 16 tháng 03 năm 2018

Số: 300318.059/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tech - Vina**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tech - Vina được lập ngày 16 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính .

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tech - Vina tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		62.806.180.534	44.650.338.818
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	228.683.240	2.718.637.101
111	1. Tiền		228.683.240	2.718.637.101
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		26.546.214.938	11.019.227.945
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	16.476.361.910	5.435.026.046
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	10.069.853.028	5.536.368.586
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		-	47.833.313
140	IV. Hàng tồn kho	6	35.740.960.817	30.388.506.968
141	1. Hàng tồn kho		35.740.960.817	30.388.506.968
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		290.321.539	523.966.804
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	27.593.959	7.742.500
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		260.463.934	514.224.304
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	2.263.646	2.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.373.372.512	31.185.463.485
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	7.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	7.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		16.856.863.633	17.910.233.971
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	16.856.863.633	17.910.233.971
222	- Nguyên giá		22.953.105.862	22.508.257.544
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.096.242.229)	(4.598.023.573)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.516.508.879	6.275.229.514
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	5.516.508.879	6.275.229.514
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		85.179.553.046	75.835.802.303

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.253.491.066	12.044.633.452
310	I. Nợ ngắn hạn		19.253.491.066	11.710.533.452
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	6.344.034.699	1.206.432.391
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	6.276.543.600	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	41.030.152	451.728.343
314	4. Phải trả người lao động		-	63.112.827
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	79.885.228	140.479.466
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	103.588.716	2.086.610.571
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	5.962.041.170	7.625.988.668
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		446.367.501	136.181.186
330	II. Nợ dài hạn		-	334.100.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	-	334.100.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		65.926.061.980	63.791.168.851
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	65.926.061.980	63.791.168.851
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.000.000.000	55.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		55.000.000.000	55.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		446.367.502	136.181.186
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.479.694.478	8.654.987.665
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.034.615.034	2.451.261.354
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.445.079.444	6.203.726.311
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		85.179.553.046	75.835.802.303



Trần Thị Hoài
Người lập

Trần Thị Hoài
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hải
Giám đốc

Lào Cai, ngày 16 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	54.780.147.218	48.907.939.021
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.780.147.218	48.907.939.021
11	4. Giá vốn hàng bán	18	48.743.955.831	39.792.694.485
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.036.191.387	9.115.244.536
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	16.550.947	101.833.648
22	7. Chi phí tài chính	20	1.043.689.303	910.137.744
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		986.314.919	843.732.421
25	8. Chi phí bán hàng	21	599.933.260	12.147.737
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	2.035.631.691	1.671.704.495
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.373.488.080	6.623.088.208
31	11. Thu nhập khác	23	90.525.421	5.395.672
32	12. Chi phí khác	24	18.934.057	134.348.434
40	13. Lợi nhuận khác		71.591.364	(128.952.762)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.445.079.444	6.494.135.446
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	290.409.135
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.445.079.444	6.203.726.311
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26		1.025



Trần Thị Hoài
Người lập

Trần Thị Hoài
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hải
Giám đốc

Lào Cai, ngày 16 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.445.079.444	6.494.135.446
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.169.305.929	2.131.049.851
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.612.134	29.557.385
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(17.986.443)	(1.230.616)
06	- Chi phí lãi vay		986.314.919	843.732.421
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.584.325.983	9.497.244.487
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.276.366.219)	5.209.190.218
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.352.453.849)	(9.694.773.320)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.196.242.220	(5.420.825.602)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		738.869.176	(1.364.732.014)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(951.909.157)	(798.252.955)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(333.929.185)	(177.778.910)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		604.778.969	(2.749.928.096)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.115.935.591)	(774.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		16.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.986.443	1.230.616
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.097.949.148)	(772.769.384)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		12.410.001.863	15.990.897.850
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(14.408.049.361)	(13.676.109.182)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.998.047.498)	2.314.788.668

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.491.217.677)	(1.207.908.812)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.718.637.101	3.921.261.216
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.263.816	5.284.697
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>228.683.240</u>	<u>2.718.637.101</u>



Trần Thị Hoài
Người lập



Trần Thị Hoài
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Hải
Giám đốc

Lào Cai, ngày 16 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2017***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tech - Vina (tên cũ: Công ty Cổ phần Chuyển giao công nghệ Tech-Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp ngày 08 tháng 03 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Gốc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 55.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 55.000.000.000 đồng; tương đương 5.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất tinh dầu quế, sản xuất cùi mùn cưa từ bã thải của hệ thống chiết suất tinh dầu quế và kinh doanh các mặt hàng liên quan đến tinh dầu, cà phê thóc, than đốt, gang tay phủ nhựa, màng xốp...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chung cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh nhà máy Tinh dầu Công ty cổ phần Tech - Vina (*)

Địa chỉ

Huyện Bảo Thắng,
tỉnh Lào Cai

Hoạt động kinh doanh chính

Chiết xuất tinh dầu quế, sản xuất cùi mùn cưa

(*) Theo đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 08 tháng 03 năm 2017, Công ty đã chuyển địa chỉ trụ sở chính tại Hà Nội lên địa chỉ tại tỉnh Lào Cai, đồng thời sát nhập hoạt động của chi nhánh nhà máy tại Lào Cai vào trụ sở chính.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại chi nhánh hạch toán độc lập và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 08	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2013 đến năm 2027) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017), và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Chiết suất tinh dầu quế tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp."; Do đó, năm 2017 Công ty nộp thuế TNDN theo các mức thuế suất như sau:

- Miễn thuế TNDN đối với các hoạt động từ hoạt động bán thành phẩm sản xuất từ dự án đầu tư Nhà máy Chiết suất tinh dầu quế tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai;
- Thuế suất thuế TNDN 20% đối với các hoạt động khác.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	130.186.800	647.209.182
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	98.496.440	2.071.427.919
	228.683.240	2.718.637.101

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH sản xuất và xuất khẩu Quế hồi Việt Nam	10.104.675.500	-
- Công ty Cổ phần An Vy	2.859.517.760	-
- Albert Vieille Sas	1.704.861.300	-
- BERJE INC	-	554.189.628
- Công ty TNHH TD Việt Vam	-	3.990.099.748
- Công ty CP Dệt kim Vinatex	-	584.815.170
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.807.307.350	305.921.500
	16.476.361.910	5.435.026.046

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP nhiệt và xây lắp Công Nghiệp	3.078.057.600	-	-	-
Công ty TNHH TD Việt Nam	6.451.014.978	-	-	-
Công ty TNHH sản xuất và xuất khẩu Quế hồi Việt Nam	-	-	400.000.000	-
Ứng trước tiền mua nguyên liệu cho nông dân	-	-	4.162.265.578	-
Trả trước cho người bán khác	540.780.450	-	974.103.008	-
	10.069.853.028	-	5.536.368.586	-

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.389.369.501	-	4.820.853.167	-
Công cụ, dụng cụ	87.320.000	-	-	-
Thành phẩm	2.336.582.774	-	2.839.660.071	-
Hàng hoá	30.927.688.542	-	22.727.993.730	-
	35.740.960.817	-	30.388.506.968	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	12.687.277.403		7.796.393.777		1.879.586.364		145.000.000		22.508.257.544	
- Mua trong năm	-		1.115.935.591		-		-		1.115.935.591	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(671.087.273)		-		(671.087.273)	
Số dư cuối năm	12.687.277.403		8.912.329.368		1.208.499.091		145.000.000		22.953.105.862	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	719.262.696		2.530.374.907		1.319.385.966		29.000.004		4.598.023.573	
- Khấu hao trong năm	650.854.872		1.309.387.109		180.063.944		29.000.004		2.169.305.929	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(671.087.273)		-		(671.087.273)	
Số dư cuối năm	1.370.117.568		3.839.762.016		828.362.637		58.000.008		6.096.242.229	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	11.968.014.707		5.266.018.870		560.200.398		115.999.996		17.910.233.971	
Tại ngày cuối năm	11.317.159.835		5.072.567.352		380.136.454		86.999.992		16.856.863.633	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.409.886.032 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 50.000.000 đồng

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	27.593.959	-
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	-	7.742.500
	27.593.959	7.742.500
b) Dài hạn		
Chi phí san lấp mặt bằng nhà máy sản xuất tinh dầu quế (*)	4.426.415.992	4.672.327.996
Công cụ dụng cụ xuất dùng	448.941.046	778.513.437
Chi phí sửa chữa cải tạo tại nhà máy sản xuất tinh dầu quế	641.151.841	824.388.081
	5.516.508.879	6.275.229.514

(*): Chi phí san lấp mặt bằng nhà máy sản xuất tinh dầu quế được phân bổ trong vòng 20 năm kể từ ngày 01/09/2014

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH nông sản xuất khẩu Tân Phát	990.000.000	990.000.000	-	-
Vũ Tuấn Trung	646.059.301	646.059.301	329.670.000	329.670.000
Đỗ Thị Nường	637.048.400	637.048.400	-	-
Đỗ Văn Trường	709.050.850	709.050.850	-	-
Công ty TNHH TD Việt Nam	-	-	641.492.219	641.492.219
Công ty Cổ phần Nhiệt và Xây lắp công nghiệp	-	-	125.400.000	125.400.000
Phải trả các đối tượng khác	3.361.876.148	3.361.876.148	109.870.172	109.870.172
	6.344.034.699	6.344.034.699	1.206.432.391	1.206.432.391

10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Xuất nhập khẩu sản phẩm cơ khí	3.079.797.600	-
Oxeyns limited	3.196.746.000	-
	6.276.543.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	46.865.806	83.059.647	129.925.453	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	89.623.246	89.623.246	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	363.870.839	-	333.929.185	-	-	-	-	-	29.941.654
Thuế Thu nhập cá nhân	-	3.588.498	10.250.000	2.750.000	-	-	-	-	-	11.088.498
Các loại thuế khác	2.000.000	-	5.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	37.403.200	16.162.938	55.829.784	-	-	-	2.263.646	-	-
	2.000.000	451.728.343	204.095.831	615.057.668	204.095.831	615.057.668	2.263.646	41.030.152		

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

2 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
- Chi phí lãi vay	VND	VND
- Chi phí thuế vẫn phòng chưa có hóa đơn	79.885.228	45.479.466
	-	95.000.000
	79.885.228	140.479.466

3 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
- Bảo hiểm xã hội	VND	VND
- Phải trả Công ty Gremerit Holdings Limited	-	8.813.855
- Văn phòng đại diện Netherlands Development Org Việt Nam	5.340.160	1.979.548.160
	98.248.556	98.248.556
	103.588.716	2.086.610.571

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bảo Thắng	7.140.388.668	7.140.388.668	11.898.331.613	13.076.679.111	5.962.041.170	5.962.041.170
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long (1)	5.155.972.000	5.155.972.000	-	5.155.972.000	-	-
- Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Sở giao dịch	1.984.416.668	1.984.416.668	5.093.474.500	4.115.849.998	2.962.041.170	2.962.041.170
- Ngân hàng TMCP An Bình (2)	-	-	2.462.703.795	2.462.703.795	-	-
- Ngân hàng Quân đội	-	-	3.940.000.000	940.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Ba Đình	485.600.000	485.600.000	402.153.318	402.153.318	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bảo Thắng	82.800.000	82.800.000	210.900.000	696.500.000	-	-
	402.800.000	402.800.000	-	82.800.000	-	-
			210.900.000	613.700.000		
	7.625.988.668	7.625.988.668	12.109.231.613	13.773.179.111	5.962.041.170	5.962.041.170



CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Chi nhánh Ba Đình	206.000.000	206.000.000	511.670.250	717.670.250	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bảo Thắng	613.700.000	613.700.000	-	613.700.000	-	-
	819.700.000	819.700.000	511.670.250	1.331.370.250		
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(485.600.000)	(485.600.000)	(210.900.000)	(696.500.000)	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	334.100.000	334.100.000				



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 280617-408823-01-SME ngày 30/06/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 3.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ thanh toán trong và ngoài nước cho việc sản xuất và thương mại tinh dầu quế, mùn cùi và cà phê;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 30/06/2017;
 - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng thời điểm vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.962.041.170 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bảo lãnh của ông Hoàng Văn Hải theo hợp đồng bảo lãnh số 280617-408823-01-SME/HĐBL ký ngày 30/06/2017; các hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng này.
- (2) Hợp đồng cho vay hạn mức số 4339/17/TD-TT/II.32 ngày 11/08/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 3.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại và sản xuất nước hoa, chiết xuất thảo dược tự nhiên...;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: quy định trong từng Giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

11
C
S
A
H
307
G
PH
H-V
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, Xã Xuân Quang, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		
Số dư đầu năm trước	55.000.000.000		-		2.723.623.726		57.723.623.726
Lãi trong năm trước	-		-		6.203.726.311		6.203.726.311
Phân phối lợi nhuận	-		136.181.186		(272.362.372)		(136.181.186)
Số dư cuối năm trước	55.000.000.000		136.181.186		8.654.987.665		63.791.168.851
Số dư đầu năm nay	55.000.000.000		136.181.186		8.654.987.665		63.791.168.851
Lãi trong năm nay	-		-		2.445.079.444		2.445.079.444
Phân phối lợi nhuận	-		310.186.316		(620.372.631)		(310.186.315)
Số dư cuối năm nay	55.000.000.000		446.367.502		10.479.694.478		65.926.061.980

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/02/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%		VND	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%		8.654.987.665	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,58%		310.186.316	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,58%		310.186.315	
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ) (*)	63,55%		5.500.000.000	
Lợi nhuận chưa phân phối	29,29%		2.534.615.034	

(*) Công ty chưa hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông trong năm 2017. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và đăng ký lưu hành bổ sung được hoàn tất vào ngày 8/3/2018 (ngày chính thức giao dịch) theo thông báo số 162/TB-SGDHN ngày 01/03/2018 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Hoàng Văn Hải	10,00%	5.500.000.000	10,00%	5.500.000.000
Ông Nguyễn Công Hoan	9,73%	5.350.000.000	9,73%	5.350.000.000
Bà Nguyễn Thị Thơm	7,27%	4.000.000.000	7,27%	4.000.000.000
Ông Bùi Trọng Nghĩa	0,18%	100.000.000	0,18%	100.000.000
Các cổ đông khác	72,82%	40.050.000.000	72,82%	40.050.000.000
	100%	55.000.000.000	100%	55.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	55.000.000.000	55.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	55.000.000.000	55.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	446.367.502	136.181.186
	446.367.502	136.181.186

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.086,95	-

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CÙNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	23.764.109.350	25.533.899.233
Doanh thu bán thành phẩm	31.016.037.868	23.374.039.788
	54.780.147.218	48.907.939.021

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.366.088.844	20.099.484.945
Giá vốn của thành phẩm đã bán	24.377.866.987	19.693.209.540
	48.743.955.831	39.792.694.485

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.986.443	1.230.616
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.564.504	100.603.032
	16.550.947	101.833.648

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	986.314.919	843.732.421
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	55.762.250	36.847.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.612.134	29.557.385
Chi phí tài chính khác	-	372
	1.043.689.303	910.137.744

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.725.000	12.147.737
Chi phí khác bằng tiền	595.208.260	-
	599.933.260	12.147.737

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.792.500	9.000.000
Chi phí nhân công	589.510.808	269.061.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	247.405.730	259.029.195
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	7.335.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.713.770	198.505.591
Chi phí khác bằng tiền	1.053.208.883	928.772.892
	2.035.631.691	1.671.704.495

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	16.000.000	-
Chênh lệch thuế GTGT được khấu trừ theo đối chiếu thuế	74.525.421	-
Thu nhập khác	-	5.395.672
	90.525.421	5.395.672

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	16.162.938	134.348.434
Chi phí khác	2.771.119	-
	18.934.057	134.348.434

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động không được ưu đãi thuế</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.228.178.350)	1.308.047.028
Các khoản điều chỉnh tăng	19.712.878	134.348.434
- Chi phí không hợp lệ	18.100.744	134.348.434
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	1.612.134	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	9.650.215
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	9.650.215
Thu nhập chịu thuế TNDN	(2.208.465.472)	1.452.045.677
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	290.409.135
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào chi thuế TNDN hiện hành năm nay	-	63.690.110
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	363.870.839	187.550.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(333.929.185)	(177.778.910)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	29.941.654	363.870.839
<i>Thuế TNDN từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế theo địa bàn đặc biệt khó khăn</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ địa bàn đặc biệt khó khăn	4.673.257.794	5.186.088.418
Thu nhập tính thuế TNDN	4.673.257.794	5.186.088.418
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	467.325.779	518.608.842
Thuế TNDN được miễn giảm do ưu đãi đối với địa bàn đặc biệt khó khăn	(467.325.779)	(518.608.842)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	290.409.135
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	29.941.654	363.870.839

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	2.445.079.444	6.203.726.311
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.445.079.444	6.203.726.311
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bổ sung (*)	550.000	550.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	404	1.025

(*) Công ty chưa hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông trong năm 2017. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và đăng ký lưu hành bổ sung được hoàn tất vào ngày 8/3/2018 (ngày chính thức giao dịch) theo thông báo số 162/TB-SGDHN ngày 01/03/2018 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Vì vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.551.016.596	18.290.491.990
Chi phí nhân công	942.363.339	612.556.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.169.305.929	2.131.049.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	574.376.977	1.371.875.763
Chi phí khác bằng tiền	1.273.291.800	1.322.564.383
	26.510.354.641	23.728.538.604

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	228.683.240	-	-	228.683.240
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.476.361.910	-	-	16.476.361.910
	16.705.045.150	-	-	16.705.045.150
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.718.637.101	-	-	2.718.637.101
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.482.859.359	7.000.000.000	-	12.482.859.359
	8.201.496.460	7.000.000.000	-	15.201.496.460

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	5.962.041.170	-	-	5.962.041.170
Phải trả người bán, phải trả khác	6.447.623.415	-	-	6.447.623.415
Chi phí phải trả	79.885.228	-	-	79.885.228
	12.489.549.813	-	-	12.489.549.813
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	7.625.988.668	334.100.000	-	7.960.088.668
Phải trả người bán, phải trả khác	3.293.042.962	-	-	3.293.042.962
Chi phí phải trả	140.479.466	-	-	140.479.466
	11.059.511.096	334.100.000	-	11.393.611.096

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.



30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	<u>Hoạt động sản xuất</u>	<u>Hoạt động thương mại</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	31.016.037.868	23.764.109.350	54.780.147.218
Chi phí trực tiếp	24.377.866.987	24.366.088.844	48.743.955.831
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.638.170.881	(601.979.494)	6.036.191.387
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.115.935.591	-	1.115.935.591
Tài sản bộ phận trực tiếp	26.267.217.597	58.912.335.449	85.179.553.046
Tổng tài sản	26.267.217.597	58.912.335.449	85.179.553.046
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.493.039.504	16.760.451.562	19.253.491.066
Tổng nợ phải trả	2.493.039.504	16.760.451.562	19.253.491.066
Theo khu vực địa lý			
	<u>Bán hàng trong nước</u>	<u>Xuất khẩu ra nước ngoài</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.613.831.977	7.166.315.241	54.780.147.218
Tài sản bộ phận	-	-	85.179.553.046
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	1.115.935.591

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	121.101.164	60.201.385
<i>Trong đó: Thu nhập của Giám đốc</i>	<i>121.101.164</i>	<i>60.201.385</i>

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Thị Hoài
Người lập



Trần Thị Hoài
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Hải
Giám đốc

Lào Cai, ngày 16 tháng 03 năm 2018

